

TỔNG CÔNG TY IDICO

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/No: 1177/TCT-BTC
V/v: công bố thông tin định kỳ Báo cáo tài chính
Abt: *Periodic information disclosure of financial
statements*

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

TP. HCM, ngày 26 tháng 10 năm 2023
HCM City, October 26th, 2023

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/*The State Securities Commission*;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/*Hanoi Stock Exchange*

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng công ty IDICO thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2023 với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

Complying with Provision no.3, 4 - Article 14 of Circulars 96/2020/TT-BTC dated 16/11/2020 of Ministry of Finance about providing guidelines on disclosure of information on securities market, IDICO Corporation J.S.C discloses information on audited financial statements for Quarter 3,2023 as below:

1. Tên tổ chức/Organization: Tổng công ty IDICO - CTCP/IDICO Corporation - JSC

- Mã chứng khoán/Stock Symbol: **IDC**

- Địa chỉ/Address: 151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh/*151A Nguyen Dinh Chieu Street, Vo Thi Sau Ward, District 3, Ho Chi Minh City.*

- Điện thoại liên hệ/Tel: (028)3843 8883 - 3935 1901 - Fax: (028)3931 2705

- E-mail: headoffice@idico.com.vn - Website: www.idico.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Information disclosure:

- Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2023/*Financial statements for Quarter 3,2023:*

Báo cáo tài chính riêng (Tổ chức niêm yết không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc)/*Separated financial statements (Public company without subsidiaries and does not have superior accounting unit that has affiliated units with separate accounting apparatus);*

Báo cáo tài chính hợp nhất (Tổ chức niêm yết có công ty con)/*Consolidated financial statements (Public company is a parent company with subsidiaries);*

Báo cáo tài chính tổng hợp (Tổ chức niêm yết có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)/*General financial statements (Public company is a superior accounting unit that has affiliated units with separate accounting apparatus);*



+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần đối với Báo cáo tài chính/*Auditor's report on the audit of such financial statements and its explanation about any qualified opinions on financial statements:*

Có/Yes

Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/*Explanation documents, if any:*

Có/Yes

Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại /*Profit after tax of the reporting period between before and after audit increases/decreases by at least 5%, or changed from a positive number to a negative number or vice:*

Có/Yes

Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/*Explanation documents, if any:*

Có/Yes

Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước/*Profit after tax in the income statement of the reporting period increases/decreases by at least 10% compared to that of the same reporting period in the previous year:*

Có/Yes

Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/*Explanation documents, if any:*

Có/Yes

Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại/*Profit after tax of the reporting period is negative, year over year profit is changed from a positive number to a negative number or vice versa:*

Có/Yes

Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/*Explanation documents, if any:*

Có/Yes

Không/No

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của của Tổng công ty IDICO vào ngày 26/10/2023 tại đường dẫn: <http://www.idico.com.vn>, mục quan hệ cổ đông.


All information above have been posted on October 26th, 2023 on the company website at: <http://www.idico.com.vn>, article "Investor Relations".

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên/Report about transactions with value equal to or above 35% of total net assets: Không/No.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

We declare that all information provided in this paper is true and we shall be legally responsible for any mispresentation.

Nơi nhận/Recipients: 

- Như trên/As stated above;
- Website IDICO/IDICO website;
- Lưu: HC, KT/Kept at Administrative dept, Accounting dept.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
INFORMATION DISCLOSURE REPRESENTATIVE
VICE GENERAL DIRECTOR



NGUYỄN VIỆT TUẤN



TỔNG CÔNG TY IDICO

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ 3 NĂM 2023**

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY IDICO

Địa chỉ : 151A Nguyễn Đình Chiểu , Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 028 38 438883 Fax : 028 39 312705

Email : headoffice@idico.com.vn

Mã số thuế : 0302177966

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	8 - 9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	10 - 56

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty IDICO - CTCP trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023.

TỔNG CÔNG TY

Tổng công ty IDICO - CTCP (gọi tắt là "IDICO") tiền thân là Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam được chuyển đổi thành Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với mã số doanh nghiệp: 0302177966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30/6/2010 với vốn điều lệ là 1.602.219.000.000 VND.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 01/3/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần với tên gọi Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - CTCP với vốn điều lệ là 3.000.000.000.000 VND (Ba nghìn tỷ Việt Nam đồng), được chia thành 300.000.000 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VND).

Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 10/5/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Tổng công ty được đổi tên thành Tổng công ty IDICO - CTCP.

Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 15/12/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty IDICO - CTCP.

Đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 17/5/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do cập nhật thông tin từ phường 6 sang phường Võ Thị Sáu và cập nhật mã ngành nghề đăng ký kinh doanh vào hệ thống thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 14/4/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do cập nhật số căn cước công dân của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11/8/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do cập nhật địa chỉ và vốn điều lệ của Tổng công ty từ 3.000.000.000.000 VND lên 3.299.999.290.000 VND (Ba nghìn hai trăm chín mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi ngàn Việt Nam đồng), được chia thành 329.999.929 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VND).

Tên Tổng công ty viết bằng tiếng nước ngoài: IDICO CORPORATION - JSC.

Tên Tổng công ty viết tắt là: IDICO.

Cổ phiếu Tổng công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). Mã cổ phiếu: IDC.

Trụ sở chính của IDICO tại: 151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Bà Nguyễn Thị Như Mai	Chủ tịch
Ông Đặng Chính Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Cao Nguyên	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 21/4/2023)
Ông Tôn Thất Anh Tuấn	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm từ ngày 21/4/2023)
Ông Nguyễn Duy	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 21/4/2023)
Ông Nguyễn Việt Tuấn	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 21/4/2023)
Bà Trần Thùy Giang	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 21/4/2023)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ủy ban kiểm toán

Ông Tôn Thất Anh Tuấn

Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 21/4/2023)

Bà Trần Thùy Giang

Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 21/4/2023)

Ban kiểm soát

Ông Hoàng Văn Hiến

Trưởng ban (Miễn nhiệm từ ngày 21/4/2023)

Ông Đào Hữu Thắng

Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 21/4/2023)

Ông Võ Tấn Dũng

Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 21/4/2023)

Ban Tổng giám đốc

Ông Đặng Chính Trung

Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Hồng Hải

Phó Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Văn Minh

Phó Tổng giám đốc

Ông Phan Văn Chính

Phó Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Việt Tuấn

Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 21/4/2023)

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 30/9/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ để Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Tổng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc, 



Nguyễn Việt Tuấn
Phó Tổng giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 10 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	TM	30/9/2023 VND	01/01/2023 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.097.568.300.316	1.461.660.303.016
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	677.675.337.893	556.918.374.255
1. Tiền	111		24.675.337.893	260.118.374.255
2. Các khoản tương đương tiền	112		653.000.000.000	296.800.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	258.313.400.000	352.570.957.696
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		258.313.400.000	352.570.957.696
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.114.724.687.167	504.377.198.627
1. Phải thu khách hàng	131	5.4	181.505.565.109	203.150.161.031
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.5	47.373.859.932	55.368.957.506
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.6	130.437.500.000	49.250.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.7	817.500.050.817	236.832.745.475
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.8	(62.092.288.691)	(40.224.665.385)
IV. Hàng tồn kho	140	5.9	18.907.730.847	12.272.852.060
1. Hàng tồn kho	141		18.907.730.847	12.272.852.060
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		27.947.144.409	35.520.920.378
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.13	20.415.335.756	24.273.670.003
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.531.808.653	11.107.401.375
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	-	139.849.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.714.460.695.413	10.265.253.676.940
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		497.780.613.200	1.105.447.500.000
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.6	5.540.000.000	5.540.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.7	492.240.613.200	1.099.907.500.000
II. Tài sản cố định	220		4.983.167.066.152	5.588.865.667.682
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	1.743.671.458.739	1.846.510.516.479
- Nguyên giá	222		2.908.076.432.760	2.868.686.647.469
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.164.404.974.021)	(1.022.176.130.990)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	3.239.495.607.413	3.742.355.151.203
- Nguyên giá	228		4.534.881.472.150	4.534.881.472.150
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.295.385.864.737)	(792.526.320.947)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.942.200.163.057	1.230.517.022.393
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	1.942.200.163.057	1.230.517.022.393
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.3	2.050.394.534.428	2.071.929.117.871
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.3	1.980.554.339.870	1.980.554.339.870
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.3	168.930.017.481	168.930.017.481
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.3	112.409.084.484	112.409.084.484
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(211.498.907.407)	(189.964.323.964)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		240.918.318.576	268.494.368.994
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.13	231.930.414.604	259.862.055.799
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		8.987.903.972	8.632.313.195
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		11.812.028.995.729	11.726.913.979.956

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	30/9/2023 VND	01/01/2023 VND
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		7.780.657.381.567	7.194.349.404.301
I. Nợ ngắn hạn	310		1.644.416.290.716	1.563.063.717.914
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	156.774.190.045	278.253.257.739
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	41.206.400.293	39.530.492.836
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	248.035.637.495	358.697.661.992
4. Phải trả người lao động	314		4.288.675.751	10.213.362.005
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	37.667.082.724	38.576.464.386
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.20	157.630.950.742	106.936.692.722
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	850.434.437.843	166.412.018.109
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	126.098.000.000	557.162.228.440
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		22.280.915.823	7.281.539.685
II. Nợ dài hạn	330		6.136.241.090.851	5.631.285.686.387
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.20	3.489.483.653.724	3.154.906.815.678
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.18	580.000.000.000	580.000.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	2.066.757.437.127	1.896.378.870.709
D - NGUỒN VỐN	400		4.031.371.614.162	4.532.564.575.655
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.21	4.031.371.614.162	4.532.564.575.655
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.299.999.290.000	3.299.999.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.299.999.290.000	3.299.999.290.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		41.722.046.647	41.722.046.647
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		511.865.381.008	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		177.784.896.507	1.190.843.239.008
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	153.045.531.706
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		177.784.896.507	1.037.797.707.302
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		11.812.028.995.729	11.726.913.979.956

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 10 năm 2023

Người lập biểu



Trần Thị Ngọc Loan

Kế toán trưởng



Trần Thị Ngọc

Phó Tổng giám đốc




Nguyễn Việt Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý 3		Cho kỳ kế toán kết thúc ngày	
			Năm nay VND	Năm trước VND	30/9/2023 VND	30/9/2022 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	436.579.415.986	479.370.169.462	1.552.797.200.200	3.368.218.886.654
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	436.579.415.986	479.370.169.462	1.552.797.200.200	3.368.218.886.654
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	189.921.815.224	269.701.015.329	666.562.483.962	1.209.225.081.409
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		246.657.600.762	209.669.154.133	886.234.716.238	2.158.993.805.245
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	159.485.627.355	111.504.599.018	328.470.343.072	217.962.353.849
7. Chi phí tài chính	22	6.4	30.992.663.795	5.920.331.317	104.061.879.688	34.662.234.043
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>21.409.740.207</i>	<i>5.920.331.317</i>	<i>82.369.567.719</i>	<i>34.662.234.043</i>
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	5.235.779.114	1.905.275.674	19.581.054.156	1.905.275.674
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	26.136.964.767	11.775.563.529	63.399.683.471	23.620.682.891
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		343.777.820.441	301.572.582.631	1.027.662.441.995	2.316.767.966.486
11. Thu nhập khác	31	6.7	75.017.877	929.288.162	1.793.573.618	4.614.608.077
12. Chi phí khác	32	6.7	45.239.272.051	350.000.376	45.430.431.051	919.805.429
13. Lợi nhuận khác	40		(45.164.254.174)	579.287.786	(43.636.857.433)	3.694.802.648
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		298.613.566.267	302.151.870.417	984.025.584.562	2.320.462.769.134
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	37.728.454.678	40.989.492.750	146.240.830.055	432.226.031.483
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		260.885.111.589	261.162.377.667	837.784.754.507	1.888.236.737.651

Người lập biểu



Trần Thị Ngọc Loan

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 10 năm 2023

Kế toán trưởng



Trần Thị Ngọc

Phó Tổng giám đốc



Nguyễn Việt Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2022 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	984.025.584.562	2.320.462.769.134
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	645.088.386.821	692.481.205.761
- Các khoản dự phòng	03	43.402.206.749	(5.060.857.976)
- (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(117.642.263)	-
- Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(328.420.882.627)	(240.396.550.541)
- Chi phí lãi vay	06	82.369.567.719	34.662.234.043
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.426.347.220.961	2.802.148.800.421
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(1.640.273.461)	(567.628.468.279)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(6.990.469.564)	(702.450.153)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	26.540.976.002	(1.771.583.703.842)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	75.583.529.396	64.588.872.759
- (Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	123.341.238.230
- Tiền lãi vay đã trả	14	(82.369.567.719)	(23.624.086.230)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(370.894.060.186)	(53.915.078.071)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(3.978.623.862)	(5.716.591.640)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.062.598.731.567	566.908.533.195
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(424.814.360.130)	(405.068.287.236)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	68.181.818	59.707.941.020
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(226.187.500.000)	(433.810.841.275)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	239.257.557.696	663.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(156.495.060.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	390.347.690.946	200.139.876.473
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(21.328.429.670)	(72.026.371.018)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền thu từ đi vay	33	395.378.566.418	2.328.430.644.807
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(656.064.228.440)	(2.235.250.874.372)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(659.945.318.500)	(840.291.090.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(920.630.980.522)	(747.111.319.565)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2022 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	120.639.321.375	(252.229.157.388)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	556.918.374.255	352.601.391.696
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	117.642.263	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	677.675.337.893	100.372.234.308

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 10 năm 2023

Người lập biểu

Trần Thị Ngọc Loan

Kế toán trưởng

Trần Thị Ngọc

Phó Tổng giám đốc



Nguyễn Việt Tuấn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng công ty IDICO - CTCP tiền thân là Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam được chuyển đổi thành Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với mã số doanh nghiệp: 0302177966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30/6/2010 với vốn điều lệ là 1.602.219.000.000 VND.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 01/3/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần với tên gọi Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - CTCP với vốn điều lệ là 3.000.000.000.000 VND (Ba nghìn tỷ Việt Nam đồng), được chia thành 300.000.000 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VND).

Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 10/5/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Tổng công ty được đổi tên thành Tổng công ty IDICO - CTCP.

Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 15/12/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty IDICO - CTCP.

Đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 17/5/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do cập nhật thông tin từ phường 6 sang phường Võ Thị Sáu và cập nhật mã ngành nghề đăng ký kinh doanh vào hệ thống thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 14/4/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do cập nhật số căn cước công dân của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11/8/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do cập nhật địa chỉ và vốn điều lệ của Tổng công ty từ 3.000.000.000.000 VND lên 3.299.999.290.000 VND (Ba nghìn hai trăm chín mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi ngàn Việt Nam đồng), được chia thành 329.999.929 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VND).

Tên Tổng công ty viết bằng tiếng nước ngoài: IDICO CORPORATION - JSC.

Tên Tổng công ty viết tắt là: IDICO.

Cổ phiếu Tổng công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). Mã cổ phiếu: IDC.

Trụ sở chính của IDICO tại: 151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Tổng số lao động của Tổng công ty tại ngày 30/9/2023 là 153 người (tại ngày 31/12/2022: 151 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Tổng công ty IDICO - CTCP kinh doanh đúng theo các ngành nghề đã đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính trong kỳ: Đầu tư xây dựng, kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp và sản xuất kinh doanh điện.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty là 12 tháng.

1.4 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023 có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: Không

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

1.5 Cấu trúc Tổng công ty

Tại ngày 30/9/2023, Tổng công ty có các công ty con, công ty liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

TT	Tên công ty	Tên công ty viết tắt	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)
A. Các công ty con						
1	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu IDICO	IDICO - MCI	KCN Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện, H. Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng	81,94%	81,94%
2	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO	IDICO - UDICO	Đường số 4, KCN Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện, H. Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh điện và xây lắp	66,93%	66,93%
3	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO	IDICO - LINCO	Số 88, quốc lộ 1 (tuyến tránh), phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An.	Đầu tư, kinh doanh bất động sản và xây lắp	51,00%	51,00%
4	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO	IDICO - CONAC	Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Đầu tư, kinh doanh hạ tầng KCN và xây lắp	51,00%	51,00%
5	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng số 10 IDICO	IDICO - INCO 10	Số 43A, đường 3/2, phường Xuân Khánh, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ	Xây lắp	97,78%	97,78%
6	Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO	IDICO - INCON	Số 100, đường Nguyễn Gia Trí, phường 25, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM	Tư vấn đầu tư xây dựng	70,40%	70,40%
7	Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và khu công nghiệp IDICO	IDICO - URBIZ	Đường Tôn Đức Thắng, KCN Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện, H. Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	Đầu tư, kinh doanh hạ tầng KCN và xây lắp	100,00%	100,00%
8	Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO	IDICO - SHP	Thôn 7, xã Long Bình, H. Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.	Sản xuất kinh doanh điện và nước sạch	51,78%	51,78%
9	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	IDICO - IDI	Km 1906+700, Quốc lộ 1A, KP 5, phường Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM	BOT giao thông, xây lắp	57,50%	57,50%

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

1.5 Cấu trúc Tổng công ty (Tiếp theo)

TT	Tên công ty	Tên công ty viết tắt	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)
10	Công ty TNHH MTV Dịch vụ KCN IDICO	IDICO - ISC	Số 48, khu phố 3, phường An Hòa, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Cung cấp dịch vụ trong KCN	100,00%	100,00%
11	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Quê Võ IDICO	IDICO - QUE VO	Tầng 13, Tòa nhà HH3, Đường Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, Q.Nam Từ Liêm, Tp.Hà Nội	Kinh doanh hạ tầng KCN	54,94%	54,94%
12	Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng Thái Bình IDICO	IDICO - TCC	Số 304, đường Trần Hưng Đạo, Tp.Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Xây lắp	95,19%	95,19%
13	Công ty cổ phần IDICO Tiền Giang	IDICO - ITC	Số 138 Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.	Kinh doanh hạ tầng KCN	65,00%	65,00%
14	Công ty Cổ phần IDERGY	IDERGY	Số 151A Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, phân phối điện, xây lắp	99,99%	99,99%
B. Các công ty liên doanh, liên kết						
1	Công ty CP Phát triển đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu	BVEC	Km 11, quốc lộ 51, xã Tam Phước, Tp. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai	BOT giao thông và vật liệu xây dựng	49,00%	49,00%
2	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO	LAMA IDICO	Km 23, QL 51, Ấp 1, xã Long An, H. Long Thành, tỉnh Đồng Nai	Già công cơ khí và lắp đặt thiết bị	20,13%	20,13%
C. Đầu tư khác						
1	Công ty TNHH Cảng Quốc tế Mỹ Xuân	MIP	Khu công nghiệp Mỹ Xuân A, phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	Dịch vụ cảng	15,00%	15,00%
C. Các đơn vị trực thuộc của Tổng công ty IDICO - CTCP						
1	Chi nhánh IDICO - Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3	IDICO - DAK MI 3	133 Phạm Văn Đồng, thị trấn Khâm Đức, H.Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam. Tầng 13 - Tòa nhà SUDICO, Đường Mễ Trì- Mỹ Đình, phường Mỹ Đình 1, Q.Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Quản lý vận hành Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3		
2	Chi nhánh IDICO tại Hà Nội	IDICO - HA NOI		Xây lắp công trình dân dụng		
3	Chi nhánh IDICO tại Miền Đông	IDICO - IEB	Tầng 3 tòa nhà IDICO-URBIZ, KCN Nhơn Trạch 1, Xã Hiệp Phước, H.Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.	Quản lý hạ tầng Khu công nghiệp		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Tổng công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng công ty được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính giữa niên độ của cơ quan Tổng công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Cơ quan Tổng công ty với các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các loại tỷ giá hối đoái áp dụng

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- (i) Đối với các khoản mục được phân loại là tài sản: Áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Tổng công ty thường xuyên có giao dịch.
- (ii) Đối với các khoản mục được phân loại là nợ phải trả: Áp dụng theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Tổng công ty thường xuyên có giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong đó, lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc kế toán tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là tiền gửi tại các ngân hàng có thời hạn không quá 03 tháng kể từ ngày gửi, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Tổng công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất của các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình đã được đánh giá lại theo phương pháp tài sản để xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tại thời điểm 31/12/2014. Theo đó, nguyên giá tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá đánh giá lại theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kể từ ngày 01/3/2018 (Tổng công ty IDICO chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần), giá trị khấu hao của tài sản cố định trong kỳ được tính bằng giá trị còn lại của tài sản tại ngày 01/3/2018 chia cho thời gian khấu hao còn lại của tài sản. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10-50
Máy móc, thiết bị	08-10
Thiết bị văn phòng	03-05
Phương tiện vận tải	08-10
Hệ thống đường, thoát nước Khu công nghiệp	05-20

Đối với những tài sản cố định hữu hình liên quan đến việc ghi nhận doanh thu và giá vốn một lần Tổng công ty sẽ phân bổ hết chi phí khấu hao tương ứng với diện tích cho thuê lại đất theo hợp đồng nhận tiền trước một lần đủ điều kiện ghi nhận 1 lần. Giá trị tài sản cố định còn lại Tổng công ty sẽ phân bổ tương ứng với thời gian cho thuê đất còn lại đối với phần diện tích cho thuê lại đất nhận tiền hàng kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Tài sản cố định Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3: Thời gian bắt đầu tính khấu hao từ thời điểm phát điện thương mại theo hướng dẫn tại Nghị định số 82/2014/NĐ-CP ngày 25/8/2017 của Chính phủ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính, tài sản cố định vô hình khác và giá trị quyền sử dụng đất, chi phí san nền, đền bù và giải phóng mặt bằng của các Khu công nghiệp, các khu đô thị,... Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng và theo thời gian được giao, thuê đất.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tổng công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Đối với những tài sản cố định vô hình liên quan đến việc ghi nhận doanh thu và giá vốn một lần Tổng công ty sẽ phân bổ hết chi phí khấu hao tương ứng với diện tích cho thuê lại đất theo hợp đồng nhận tiền trước một lần đủ điều kiện ghi nhận 1 lần. Giá trị tài sản cố định còn lại Tổng công ty sẽ phân bổ tương ứng với thời gian cho thuê đất còn lại đối với phần diện tích cho thuê lại đất nhận tiền hàng kỳ.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng công ty bao gồm các chi phí sau:

Tiền thuê đất tại các khu công nghiệp:

Tiền thuê đất trả trước tại các khu công nghiệp phản ánh tiền thuê đất trả trước cho Nhà nước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp chi phí phù hợp với doanh thu.

+ Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu): là khoản tiền thuê đất đã nộp một lần đối với diện tích đất đã cho thuê lại, thu tiền một lần theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước năm 2016. Tại ngày 30/9/2023, Tổng công ty đã phân bổ một phần vào chi phí tương ứng với doanh thu, giá vốn hạch toán một lần trong kỳ.

+ Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Hựu Thạnh (tỉnh Long An) là khoản tiền thuê đất đã nộp một lần cho cả thời gian thuê đất và sẽ được phân bổ đến ngày 06/8/2069. Tại ngày 30/9/2023, Tổng công ty đã phân bổ một phần vào chi phí tương ứng với doanh thu, giá vốn hạch toán một lần trong kỳ.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng và công cụ dụng cụ phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phải phân bổ, giá trị công cụ dụng cụ đã phân bổ 100% được đánh giá lại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng công ty và người bán (là đơn vị độc lập bao gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay tổng hợp cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023, có 101.229.635.525 VND (cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2022: 54.651.269.929 VND) chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào tài sản dở dang của Tổng công ty.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay liên quan đến Nhà máy thủy điện Đak Mi 3, các khu công nghiệp.
- Chi phí thuế tài nguyên và phí dịch vụ môi trường rừng từ doanh thu tiền điện.
- Chi phí Nhà máy xử lý nước thải Phú Mỹ 2.
- Các khoản chi phí khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: Doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê cơ sở hạ tầng); không bao gồm: Tiền nhận trước của người mua mà Tổng công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ vào thời gian cho thuê trên hợp đồng hoặc phân bổ một lần phù hợp với quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ của Tổng công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Tổng công ty và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu hạ tầng Khu công nghiệp:

Tổng công ty áp dụng quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để ghi nhận doanh thu từ tiền cho thuê tài sản. Theo đó, đối với trường hợp thời gian cho thuê chiếm hơn 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Công ty ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu đồng thời thoả mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và doanh nghiệp cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;

(b) Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;

(c) Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;

(d) Doanh nghiệp cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Đồng thời, Tổng công ty thực hiện việc trích khấu hao của tài sản cố định một lần vào giá vốn của dịch vụ cho thuê.

Doanh thu từ việc cho thuê hạ tầng trong Khu công nghiệp của các hợp đồng còn lại được ghi nhận trên cơ sở bàn giao hạ tầng cho bên thuê được bên thuê chấp thuận thanh toán và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng cho thuê.

Doanh thu kinh doanh điện

Doanh thu được xác định và ghi nhận dựa vào bảng kê sản lượng điện theo từng giờ, từng ngày và giá bán theo Hợp đồng mua bán điện số 03/2017/HĐ-NMĐ-Đak Mi 3 ngày 31/3/2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 04 ngày 01/6/2020 giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và Tổng công ty IDICO về việc mua bán điện Nhà máy thủy điện Đak Mi 3.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp dịch vụ và kinh doanh điện là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ, giá thành sản xuất điện trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Giá vốn cho thuê hạ tầng là toàn bộ các chi phí về san lấp mặt bằng, chi phí đền bù, chi phí xây dựng, chi phí khác phát sinh trong quá trình hình thành tài sản liên quan đến các hoạt động cho thuê lại đất trong các khu công nghiệp hiện tại và trong tương lai. Đơn giá vốn cho 1m² cho thuê lại đất trong Khu công nghiệp được xác định bằng Tổng mức đầu tư đã tập hợp chi phí phù hợp với tình hình thực tế của dự án chia cho diện tích kinh doanh trong từng khu công nghiệp.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và đơn vị khác.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Hoạt động kinh doanh tại Nhà máy thủy điện Đak Mi 3 có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh (2017-2031). Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 3717743015 ngày 23/8/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam, thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động kinh doanh Nhà máy thủy điện Đak Mi 3 được miễn bốn năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (2017 - 2020) và giảm 50% trong chín năm tiếp theo (2021 - 2029).
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20%.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Tiền thuê đất tại các khu công nghiệp:

(i) Khu công nghiệp Mỹ Xuân A: Miễn tiền thuê đất trong suốt thời gian thực hiện dự án theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 8751/BKH-PTDN ngày 19/12/2005 của Bộ Kế hoạch và đầu tư:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

+ Theo Quyết định số 6398/QĐ-CT ngày 19/10/2009 và Quyết định số 8432/QĐ-CT ngày 14/9/2022 của Cục thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc miễn tiền thuê đất đối với diện tích 332.742,8 m² trong suốt thời gian thực hiện dự án.

+ Theo Quyết định số 210/QĐ-CT ngày 11/01/2010 và Quyết định số 8433/QĐ-CT ngày 14/9/2022 của Cục thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc miễn tiền thuê đất đối với diện tích 1.489.669 m² trong suốt thời gian thực hiện dự án.

+ Theo Quyết định số 10467/QĐ-CT ngày 16/11/2018 và Quyết định số 8434/QĐ-CT ngày 14/9/2022 của Cục thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc miễn tiền thuê đất đối với diện tích 1.226.089 m² trong suốt thời gian thực hiện dự án.

(ii) Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5: Theo Quyết định số 10122/QĐ-CT ngày 17/12/2014 của Cục thuế Đồng Nai và Quyết định số 10123/QĐ-CT ngày 17/12/2014 của Cục thuế Đồng Nai, được miễn tiền thuê đất:

+ Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản (từ năm 2004 đến năm 2010) và được miễn tiền thuê đất 11 năm theo ưu đãi đầu tư kể từ ngày dự án đi vào hoạt động (từ năm 2011 đến năm 2021).

+ Đối với diện tích phải nộp tiền thuê đất một lần cho Nhà nước: Thực hiện nộp trong năm 2017 theo Kết luận của Kiểm toán Nhà nước.

(iii) Khu công nghiệp Phú Mỹ 2:

+ Theo Quyết định số 1829/QĐ-CTBRV ngày 04/8/2023 của Cục thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: Miễn tiền thuê đất phải nộp trong thời gian 20 năm, từ ngày 19/12/2007 đến ngày 31/12/2027 đối với hợp đồng thuê đất số 51/HĐTĐ ngày 24/9/2009.

+ Theo Quyết định số 1830/QĐ-CTBRV ngày 04/8/2023 của Cục thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: Miễn tiền thuê đất phải nộp trong thời gian 19,83 năm, từ ngày 26/02/2009 đến ngày 31/12/2028 đối với hợp đồng thuê đất số 52/HĐTĐ ngày 24/9/2009.

(iv) Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng: Theo Quyết định số 1688/QĐ-CT ngày 09/3/2022 của Cục thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc miễn tiền thuê đất cho Tổng công ty IDICO - CTCP: Miễn tiền thuê đất phải nộp trong thời gian 18 năm, từ ngày 18/01/2011 đến ngày 17/10/2029 đối với Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 29/3/2011 và số 2969/QĐ-UBND ngày 23/10/2018 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc cho thuê đất, hợp đồng thuê đất số 45/HĐTĐ ngày 07/11/2011 và số 51/HĐTĐ ngày 19/11/2018.

(v) Khu công nghiệp Hựu Thạnh:

Miễn tiền thuê đất 50 năm (từ ngày 06/8/2019 đến ngày 06/8/2069) đối với phần diện tích 1.036.841 m² tại Quyết định số 2431/QĐ-CT ngày 23/6/2020 của Cục thuế tỉnh Long An

Miễn tiền thuê đất 15 năm (từ ngày 06/8/2019 đến ngày 05/8/2034) đối với phần diện tích 3.360.150 m² tại Quyết định số 2430/QĐ-CT ngày 23/6/2020 của Cục thuế tỉnh Long An, đồng thời thực hiện nộp tiền đối với diện tích phải nộp tiền thuê đất một lần cho Nhà nước: Thực hiện theo Thông báo số 513/TBHKDCN-CT ngày 23/6/2020 của Cục thuế tỉnh Long An: Lần 1 ngày 17/8/2020 (50%) và lần 2 ngày 23/9/2020 (50%)

(vi) Khu công nghiệp Cầu Nghìn: Theo Quyết định số 563/QĐ-CT ngày 31/3/2021 của Cục thuế tỉnh Thái Bình về việc miễn tiền thuê đất theo ưu đãi đầu tư: Miễn 6 năm 7 tháng (từ tháng 11/2018 đến tháng 05/2025) theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền đất, thuê mặt nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/9/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	3.835.838.655	19.198.161.739
Tiền gửi ngân hàng	20.839.499.238	240.920.212.516
Các khoản tương đương tiền (i)	653.000.000.000	296.800.000.000
Tổng cộng	677.675.337.893	556.918.374.255

(i) Đây là các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng VND tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất áp dụng.

5.2 ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	30/9/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	258.313.400.000	352.570.957.696
Tổng cộng	258.313.400.000	352.570.957.696

(i) Đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc từ 6 tháng đến 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

5.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ			Tại ngày 30/9/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
I. Đầu tư vào Công ty con			141.726.521	1.980.554.339.870	1.585.232.824.000	(46.233.316.478)	1.980.554.339.870	1.404.057.659.500	(35.798.419.516)
IDICO-URBIZ (iii)	100,00%	100,00%	-	400.000.000.000	-	(11.187.873.793)	400.000.000.000	-	-
IDICO-ISC (iii)	100,00%	100,00%	-	100.000.000.000	-	-	100.000.000.000	-	-
IDICO-MCI (iii)	81,94%	81,94%	2.868.000	18.356.046.908	-	(18.356.046.908)	18.356.046.908	-	(18.356.046.908)
IDICO-CONAC (i), (ii)	51,00%	51,00%	10.404.000	32.039.472.494	501.472.800.000	-	32.039.472.494	492.660.000.000	-
IDICO-INCO 10 (iii)	97,78%	97,78%	4.889.090	17.648.011.208	-	(5.112.185.777)	17.648.011.208	-	(5.865.162.608)
IDICO-INCON (ii)	70,40%	70,40%	1.408.000	7.194.400.000	24.640.000.000	-	7.194.400.000	33.651.200.000	-
IDICO-LINCO (ii)	51,00%	51,00%	4.360.500	55.409.106.453	189.681.750.000	-	55.409.106.453	-	-
IDICO-JUDICO (ii)	66,93%	66,93%	5.354.390	138.177.060.000	172.946.797.000	-	138.177.060.000	202.663.661.500	-
IDICO-IDI (ii)	57,50%	57,50%	14.345.790	181.437.568.176	233.836.377.000	-	181.437.568.176	232.401.798.000	-
IDICO-SHP (ii)	51,78%	51,78%	23.299.000	275.136.264.631	462.655.100.000	-	275.136.264.631	442.681.000.000	-
IDICO-QUEVO (iii)	54,94%	54,94%	4.394.920	58.589.200.000	-	-	58.589.200.000	-	-
IDICO-TCC (iii)	95,19%	95,19%	1.903.831	11.577.210.000	-	(11.577.210.000)	11.577.210.000	-	(11.577.210.000)
IDICO-ITC (iii)	65,00%	65,00%	58.500.000	585.000.000.000	-	-	585.000.000.000	-	-
IDERGY (iii)	99,99%	99,99%	9.999.000	99.990.000.000	-	-	99.990.000.000	-	-

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

5.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ			Tại ngày 30/9/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
II. Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết									
BVEC (iii)	49,00%	49,00%	16.178.091	168.930.017.481	-	(158.967.998.481)	168.930.017.481	-	(150.712.000.000)
LAMA IDICO (ii)	20,13%	20,13%	1.106.891	18.218.017.481	9.962.019.000	(8.255.998.481)	150.712.000.000	-	(150.712.000.000)
III. Đầu tư vào đơn vị khác									
Công ty CP Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO (ii)	1,22%	1,22%	770.000,00	8.393.000.000	11.434.500.000	-	8.393.000.000	9.779.000.000	-
Công ty CP Đầu tư KCN Dầu khí Long Sơn (ii)	8,54%	8,54%	7.064.103	28.256.416.000	65.696.157.900	-	28.256.416.000	34.614.104.700	-
Trường Đại Học Vinh (iii)	7,17%	7,17%	1.000.000	10.217.858.042	-	(3.453.904.448)	10.217.858.042	-	(3.453.904.448)
Công ty CP Đầu tư xây dựng đô thị Việt Nam (iii)	8,91%	8,91%	311.940	3.119.400.000	-	-	3.119.400.000	-	-
Công ty CP Tư vấn xây dựng Tổng hợp (ii)	5,00%	5,00%	135.000	2.951.688.000	108.000.000	-	2.951.688.000	-	-
Công ty CP Đầu tư Đồng Thuận (iii)	1,63%	1,63%	1.395.000	14.470.722.442	-	-	14.470.722.442	-	-
Công ty TNHH Công Quốc tế Mỹ Xuân (iii)	15,00%	15,00%	-	45.000.000.000	-	-	45.000.000.000	-	-
Tổng cộng:			168.580.655	2.261.893.441.835	1.662.471.481.900	(211.498.907.407)	2.261.893.441.835	1.448.450.764.200	(189.964.323.964)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

5.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

(i) IDICO-CONAC thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu Nghị quyết số 07/NQ-CT ngày 25/4/2023 của đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và theo Nghị quyết số 09/NQ-CT ngày 11/5/2023 của HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu Khí IDICO (IDICO-CONAC) về việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022, tỷ lệ thực hiện quyền: 100:70 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 70 cổ phiếu phát hành). Tổng công ty IDICO nhận được 4.284.000 cổ phiếu, tương ứng giá trị theo mệnh giá: 42.840.000.000 VND. Theo đó, số lượng cổ phiếu IDICO nắm giữ sau khi nhận cổ tức bằng cổ phiếu: 10.404.000 cổ phiếu, chiếm 51% Vốn điều lệ tại IDICO-CONAC

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày 30/9/2023 được trình bày:

(ii) Tổng công ty đã xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và số lượng cổ phiếu mà Tổng công ty đang nắm giữ.

(iii) Tổng công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty không niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

Các giao dịch chủ yếu giữa Tổng Công ty và các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 7.2.

5.4 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/9/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	181.505.565.109	203.150.161.031
Công ty Mua bán điện (i)	84.024.112.894	107.908.647.206
Công ty TNHH Trịnh Gia Thịnh	31.793.934.199	31.793.934.199
Đối tượng khác	65.687.518.016	63.447.579.626
b) Phải thu khách hàng dài hạn	-	-
Tổng cộng:	181.505.565.109	203.150.161.031

Trong đó: Phải thu khách hàng các bên liên quan
(chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.2)

- 91.693.800

(i) Là khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh điện tại Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

5.5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/9/2023 VND	01/01/2023 VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	47.373.859.932	55.368.957.506
IDICO-LINCO	11.485.947.877	5.467.287.000
Tổng công ty Cơ điện Xây dựng-CTCP	-	26.171.774.112
Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 6-CTCP	-	12.250.983.961
IDICO-INCO 10	5.975.968.445	946.567.819
Công ty cổ phần Môi trường Soltech Việt Nam	17.406.902.875	-
Đối tượng khác	12.505.040.735	10.532.344.614
b) Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Tổng cộng:	47.373.859.932	55.368.957.506
<i>Trong đó: Trả trước cho người bán các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.2)</i>	<i>18.200.720.953</i>	<i>6.988.599.892</i>

(Số đầu kỳ ngày 01/01/2023 trình bày có sự khác biệt so với Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2022 do trình bày lại cho phù hợp với các đối tượng có số dư chiếm từ 10% trở lên tại ngày 30/9/2023)

5.6 PHẢI THU VỀ CHO VAY

	30/9/2023 VND	01/01/2023 VND
a) Phải thu về cho vay ngắn hạn	130.437.500.000	49.250.000.000
IDICO-LINCO	100.650.000.000	20.650.000.000
IDICO-MCI	29.787.500.000	28.600.000.000
b) Phải thu về cho vay dài hạn	5.540.000.000	5.540.000.000
IDICO-TCC	5.540.000.000	5.540.000.000
Tổng cộng:	135.977.500.000	54.790.000.000
<i>Trong đó: Trả trước cho người bán các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.2)</i>	<i>135.977.500.000</i>	<i>54.790.000.000</i>

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

5.7 PHẢI THU KHÁC

	30/9/2023 VND		01/01/2023 VND	
	Giá trị ghi số	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi số	Giá trị dự phòng
a) Ngắn hạn	817.500.050.817	(14.480.825.694)	236.832.745.475	(6.894.423.902)
Phải thu đặt cọc, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (i)	314.204.961.198	-	-	-
Tạm ứng nhân viên	4.721.578.225	-	2.911.103.000	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	37.586.538.132	-	99.232.728.132	-
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	29.438.221.362	-	29.787.021.499	-
Phải thu khác (iii)	431.548.751.900	(14.480.825.694)	104.901.892.844	(6.894.423.902)
b) Dài hạn	492.240.613.200	-	1.099.907.500.000	-
Phải thu IDICO-LINCO	129.490.000.000	-	129.490.000.000	-
Phải thu đặt cọc, ký quỹ, ký cược dài hạn	362.750.613.200	-	970.417.500.000	-
- Công ty cổ phần đầu tư Quyền Ngọc	-	-	100.000.000.000	-
- Công ty TNHH TM và DV Quỳnh Lan	-	-	260.000.000.000	-
- Công ty cổ phần Đầu tư Quỳnh Vy	-	-	100.000.000.000	-
- Công ty TNHH XD TM Tân Tạo (ii)	350.000.000.000	-	500.000.000.000	-
- Đối tượng khác	12.750.613.200	-	10.417.500.000	-
Tổng cộng:	1.309.740.664.017	(14.480.825.694)	1.336.740.245.475	(6.894.423.902)

(i) Đây là khoản đặc cọc để IDICO nhận chuyển nhượng dự án theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐQT ngày 09/5/2023 của Hội đồng quản trị Tổng công ty IDICO - CTCP về việc thông qua chủ trương đầu tư kinh doanh dự án tại thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

(ii) Theo Nghị quyết số 45/NQ-TCT ngày 15/11/2022 của Hội đồng quản trị IDICO về việc thông qua chủ trương hợp tác đầu tư dự án: Nhà xưởng dịch vụ IDICO-Tân Tạo với Vốn đầu tư dự kiến là 2.000 tỷ VND, trong đó IDICO góp 1.000 tỷ VND (tương ứng tỷ lệ 50%). Số tiền này sẽ được chuyển thành tiền góp vốn của IDICO khi các bên ký kết Hợp đồng hợp tác đầu tư theo quy định tại Điều 2.2 của Thỏa thuận ghi nhớ hợp tác đầu tư ngày 15/11/2022 giữa Tổng Công ty IDICO - CTCP và Công ty TNHH XD TM Tân Tạo.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

(iii) Chi tiết phải thu khác theo đối tượng:

	30/9/2023 VND		01/01/2023 VND	
	Giá trị ghi số	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi số	Giá trị dự phòng
Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng Đức Hòa	431.548.751.900	(14.480.825.694)	104.901.892.844	(6.894.423.902)
IDICO-INCO 10	28.589.122.887	-	23.677.292.126	-
IDICO-ISC	5.971.061.313	(5.511.723.979)	6.071.061.313	(5.152.386.645)
IDICO-MCI	4.484.576.301	-	14.484.576.301	-
IDICO-TCC	512.083.302	(4.039.955.813)	520.044.302	(1.742.037.257)
Đình Thị Thủy (iv)	7.911.338.708	(4.929.145.902)	7.911.338.708	-
Nguyễn Lê Mai Thi (v)	170.000.000.000	-	-	-
Đối tượng khác	155.000.000.000	-	-	-
Tổng cộng:	59.080.569.389	-	52.237.580.094	-
	431.548.751.900	(14.480.825.694)	104.901.892.844	(6.894.423.902)

Trong đó: Trả trước cho người bán các bên liên

quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.2)

208.496.051.502

274.092.286.653

(iv) Đây là số tiền ủy thác theo hợp đồng ủy thác đầu tư số 01/2023/UTĐT ngày 03/01/2023 giữa Tổng Công ty IDICO - CTCP (Bên A) và Bà Đình Thị Thủy (Bên B) về việc Bên A ủy thác cho Bên B để đầu tư vào các Công ty hoạt động trong lĩnh vực Thủy Điện.

(v) Đây là số tiền ủy thác theo hợp đồng ủy thác đầu tư số 02/2023/UTĐT ngày 14/6/2023 giữa Tổng công ty IDICO - CTCP (Bên A) và Bà Nguyễn Lê Mai Thi về việc Bên A ủy thác cho Bên B để sử dụng số tiền ủy thác đầu tư vào các Công ty hoạt động trong lĩnh vực Thủy Điện, bất động sản khu công nghiệp hoặc xây dựng theo hình thức góp vốn hoặc mua cổ phần/phần góp trong các Công ty này.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

5.8 NỢ XẤU

	30/9/2023 VND			01/01/2023 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
a) Ngắn hạn						
Phải thu khách hàng quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	73.161.849.115 49.333.491.363	11.069.560.424 1.722.028.366	(62.092.288.691) (47.611.462.997)	61.203.645.531 49.333.491.363	20.978.980.146 16.003.249.880	(40.224.665.385) (33.330.241.483)
Công ty TNHH ACOTEC Hoàng Vũ	5.818.912.411	-	(5.818.912.411)	31.793.934.199	11.313.605.434	(20.480.328.765)
Công ty TNHH Sản xuất Hammer	3.191.399.755	-	(3.191.399.755)	3.191.399.755	166.697.489	(3.024.702.266)
Công ty TNHH Trịnh Gia Thịnh	31.793.934.199	-	(31.793.934.199)	4.570.751.661	896.313.120	(3.674.438.541)
Công ty TNHH TM XD Đại Đạt	4.570.751.661	512.955.151	(4.057.796.510)	1.012.686.499	-	(1.012.686.499)
Công ty CP Cảng Logistics Phú Mỹ 2	2.945.806.838	1.209.073.215	(1.736.733.623)	5.818.912.411	1.828.399.254	(3.990.513.157)
Công ty CP Phát triển hạ tầng Thành Đạt	1.012.686.499	-	(1.012.686.499)	2.945.806.838	1.798.234.583	(1.147.572.255)
Phải thu khác quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	23.828.357.752	9.347.532.058	(14.480.825.694)	11.870.154.168	4.975.730.266	(6.894.423.902)
IDICO-INCO 10	5.971.061.313	459.337.334	(5.511.723.979)	6.071.061.313	918.674.668	(5.152.386.645)
IDICO-MCI	7.962.071.376	3.922.115.563	(4.039.955.813)	5.799.092.855	4.057.055.598	(1.742.037.257)
IDICO-TCC	9.895.225.063	4.966.079.161	(4.929.145.902)	-	-	-
b) Dài hạn	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng;	73.161.849.115	11.069.560.424	(62.092.288.691)	61.203.645.531	20.978.980.146	(40.224.665.385)

5.9 HÀNG TỒN KHO

	30/9/2023 VND		01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.180.000.000	-	2.550.000.000	-
Hàng hóa bất động sản	9.658.377.960	-	9.658.377.960	-
Nguyên liệu, vật liệu	69.352.887	-	64.474.100	-
Tổng cộng:	18.907.730.847	-	12.272.852.060	-

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

5.10 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản có định khác VND	Đơn vị tính: VND	
						Tài sản VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ							
Số dư tại ngày 01/01/2023	2.409.105.636.983	420.170.072.270	24.850.242.622	2.096.913.307	12.463.782.287	2.868.686.647.469	
Tăng trong kỳ	(6.936.576.594)	44.551.150.056	1.823.140.000	-	(47.928.171)	39.389.785.291	
Mua trong kỳ	-	-	1.823.140.000	-	-	1.823.140.000	
Quyết toán khác phục sự cố Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3	(6.936.576.594)	44.551.150.056	-	-	(47.928.171)	37.566.645.291	
Số dư tại ngày 30/9/2023	2.402.169.060.389	464.721.222.326	26.673.382.622	2.096.913.307	12.415.854.116	2.908.076.432.760	
HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư tại ngày 01/01/2023	824.178.564.932	165.053.945.127	19.165.643.735	1.388.179.314	12.389.797.882	1.022.176.130.990	
Tăng trong kỳ	54.563.953.416	86.549.509.436	935.388.318	153.935.627	26.056.234	142.228.843.031	
Khấu hao trong kỳ	54.563.953.416	86.549.509.436	935.388.318	153.935.627	26.056.234	142.228.843.031	
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	
Số dư tại ngày 30/9/2023	878.742.518.348	251.603.454.563	20.101.032.053	1.542.114.941	12.415.854.116	1.164.404.974.021	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày 01/01/2023	1.584.927.072.051	255.116.127.143	5.684.598.887	708.733.993	73.984.405	1.846.510.516.479	
Tại ngày 30/9/2023	1.523.426.542.041	213.117.767.763	6.572.350.569	554.798.366	-	1.743.671.458.739	

Giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 30/9/2023 là 1.462.791.748.529 VND (tại ngày 31/12/2022 là 1.577.330.881.499 VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 30/9/2023 là 425.151.037.368 VND (tại ngày 31/12/2022 là 209.861.896.296 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

5.11 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2023	4.534.881.472.150	4.534.881.472.150
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/9/2023	4.534.881.472.150	4.534.881.472.150
HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2023	(792.526.320.947)	(792.526.320.947)
Tăng trong kỳ	(502.859.543.790)	(502.859.543.790)
Khấu hao trong kỳ	(502.859.543.790)	(502.859.543.790)
Giảm trong kỳ		
Số dư tại ngày 30/9/2023	(1.295.385.864.737)	(1.295.385.864.737)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2023	3.742.355.151.203	3.742.355.151.203
Tại ngày 30/9/2023	3.239.495.607.413	3.239.495.607.413

Giá trị còn lại của các tài sản cố định vô hình dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 30/9/2023 là 2.486.510.072.650 VND (tại ngày 31/12/2022 là 3.030.909.765.927 VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 30/9/2023 là 53.119.456.086 VND (tại ngày 31/12/2022 là 0 VND).

5.12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/9/2023 VND	01/01/2023 VND
a) Chi phí mua sắm TSCĐ	-	-
b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.942.200.163.057	1.230.517.022.393
Khu công nghiệp Cầu Nghìn	197.232.581.136	71.069.090.165
NMXLNT KCN Cầu Nghìn	83.749.140	-
Khu công nghiệp Hựu Thạnh	1.389.584.820.656	945.798.213.990
NMXLNT KCN Hựu Thạnh	47.482.210.299	41.394.134.025
Khu tái định cư KCN Hựu Thạnh	62.914.705.636	71.662.985.315
Nhà xưởng KCN Hựu Thạnh	79.683.100.842	36.998.846.818
NMXLNT KCN Mỹ Xuân A	11.594.723.537	-
Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5	316.190.534	41.390.018
NMXLNT KCN Nhơn Trạch 5	36.465.365.008	7.219.591.473
Khu công nghiệp Phú Mỹ 2	29.958.632.791	16.286.175.372
NMXLNT KCN Phú Mỹ 2	2.107.228.560	4.020.284.983
Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng	78.474.129.887	32.201.300.989
Các Dự án/Công trình khác	6.302.725.031	3.825.009.245
Tổng cộng:	1.942.200.163.057	1.230.517.022.393

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

5.13 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/9/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	20.415.335.756	24.273.670.003
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	3.206.228.904	3.577.064.970
Chi phí hoa hồng tiếp thị tại các khu công nghiệp	13.484.079.045	17.365.807.401
Chi phí duy tu, sửa chữa chờ phân bổ	1.823.983.009	3.317.373.880
Chi phí khắc phục sự cố tại các nhà máy	56.907.648	3.464.306
Chi phí trả trước tiền thuê đất	1.747.955.212	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	96.181.938	9.959.446
b) Dài hạn	231.930.414.604	259.862.055.799
Chi phí trả trước tiền thuê đất Khu công nghiệp	177.513.792.793	188.556.094.834
<i>Khu công nghiệp Hựu Thạnh (i)</i>	<i>68.311.831.553</i>	<i>76.843.296.220</i>
<i>Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 (ii)</i>	<i>109.201.961.240</i>	<i>111.712.798.614</i>
Chi phí khắc phục sự cố Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3	53.630.934.317	71.305.960.965
Chi phí trả trước sửa chữa bậc tiêu năng đập tràn Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3	435.273.858	-
Chi phí trả trước gói thầu nạo vét mở rộng lòng sông hạ lưu kênh xả Nhà máy thủy điện Đak Mi 3	350.413.636	-
Tổng cộng:	252.345.750.360	284.135.725.802

(i) Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Hựu Thạnh (tỉnh Long An): Là khoản tiền thuê đất đã nộp một lần cho cả thời gian thuê đất và sẽ được phân bổ đến ngày 06/8/2069. Tại ngày 30/9/2023 Tổng công ty đã phân bổ một phần vào chi phí tương ứng với việc ghi nhận doanh thu, giá vốn một lần trong kỳ.

(ii) Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu): Là khoản tiền thuê đất đã nộp một lần đối với diện tích đất đã cho thuê lại, thu tiền một lần theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước năm 2016. Tại ngày 30/9/2023, Tổng công ty đã phân bổ một phần vào chi phí tương ứng với việc ghi nhận doanh thu, giá vốn một lần trong kỳ.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí MinhMẫu số B 09a-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

5.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2023 VND	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/9/2023 VND
Phải nộp	358.697.661.992	345.200.192.951	455.862.217.448	248.035.637.495
Thuế thu nhập doanh nghiệp	351.228.886.532	146.240.830.055	370.894.060.186	126.575.656.401
Thuế giá trị gia tăng	2.983.179.462	140.568.382.144	33.345.134.794	110.206.426.812
Thuế thu nhập cá nhân	1.045.352.303	21.874.670.291	22.266.716.038	653.306.556
Thuế tài nguyên	3.101.463.219	17.484.938.871	18.885.939.275	1.700.462.815
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	159.516.209	7.059.456.282	67.635.435	7.151.337.056
Các loại thuế khác	179.264.267	10.810.778.508	9.241.594.920	1.748.447.855
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.161.136.800	1.161.136.800	-
Phải thu	139.849.000	139.849.000	-	-
Các loại thuế khác	139.849.000	139.849.000	-	-

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

5.15 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/9/2023 VND		01/01/2023 VND	
	Giá trị ghi số	Số có khả năng thu hồi	Giá trị ghi số	Số có khả năng thu hồi
Công ty CP Đầu tư và phát triển hợp nhất Sài Gòn	48.481.560.292	48.481.560.292	15.954.128.320	15.954.128.320
Công ty TNHH XD TM DV Nghĩa Bình	12.007.244.291	12.007.244.291	64.983.034.645	64.983.034.645
Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 6-CTCP	4.708.651.277	4.708.651.277	18.986.196.299	18.986.196.299
IDICO-INCO 10	12.133.499.476	12.133.499.476	15.929.628.391	15.929.628.391
IDICO-ISC	7.714.328.156	7.714.328.156	24.104.858.700	24.104.858.700
IDICO-LINCO	28.844.450.007	28.844.450.007	753.870.312	753.870.312
IDICO-URBIZ	6.100.251.085	6.100.251.085	60.667.544.086	60.667.544.086
Đối tượng khác	36.784.205.461	36.784.205.461	76.873.996.986	76.873.996.986
Tổng cộng:	156.774.190.045	156.774.190.045	278.253.257.739	278.253.257.739

Trong đó: Phải trả người bán các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.2)

56.283.680.216

104.805.485.291

(Số đầu kỳ ngày 01/01/2023 trình bày có sự khác biệt so với Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2022 do trình bày lại cho phù hợp với các đối tượng có số dư chiếm từ 10% tại ngày 30/9/2023)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

5.16 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/9/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty TNHH chế biến thực phẩm FONG FU	5.000.000.000	-
Khách hàng mua nền tái định cư KCN Hữu Thạnh	34.513.647.731	39.331.572.517
Đối tượng khác	1.692.752.562	198.920.319
Tổng cộng:	41.206.400.293	39.530.492.836

5.17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/9/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay dự trả (i)	22.838.127.422	16.593.487.838
- Các Dự án/Công trình khác	-	3.374.171.491
- Thủy điện Đakmi 3	20.741.460.326	11.559.415.672
- Khu công nghiệp Hữu Thạnh	1.966.208.330	1.225.266.054
- Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng	130.458.766	434.634.621
Trích trước chi phí các dự án	13.552.914.337	14.334.407.397
- Khu công nghiệp Mỹ Xuân A	5.997.255.554	6.370.278.045
- NMXLNT KCN Mỹ Xuân A	767.200.000	767.200.000
- Dự án và NMXLNT Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5	-	7.196.929.352
- Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5	6.788.458.783	-
Chi phí thuế tài nguyên và phí dịch vụ môi trường rừng từ doanh thu tiền điện	-	6.900.181.593
Chi phí khác	1.276.040.965	748.387.558
Tổng cộng:	37.667.082.724	38.576.464.386

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

5.18 PHẢI TRẢ KHÁC

	30/9/2023 VND	01/01/2023 VND
a) Ngắn hạn	850.434.437.843	166.412.018.109
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	144.370.337.106	99.102.898.865
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	660.497.145.500	442.748.000
Kinh phí công đoàn	143.319.000	121.295.000
Phải trả khác (i)	45.423.636.237	66.745.076.244
b) Dài hạn	580.000.000.000	580.000.000.000
Nhận hợp tác đầu tư, góp vốn (ii)	580.000.000.000	580.000.000.000
Tổng cộng:	1.430.434.437.843	746.412.018.109
(i) Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp khác		
Công ty CP Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh (iii)	45.103.258.837	45.103.258.837
IDICO - URBIZ	-	21.574.352.407
Đối tượng khác	320.377.400	67.465.000
(ii) Chi tiết các khoản nhận hợp tác đầu tư,	580.000.000.000	580.000.000.000
IDICO-ITC	580.000.000.000	580.000.000.000
Tổng cộng:	625.423.636.237	646.745.076.244
Trong đó: Phải trả khác các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.2)	580.000.000.000	601.574.352.407

(ii) IDICO-ITC góp vốn đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Vinh Quang, theo thỏa thuận ghi nhớ hợp tác đầu tư được ký giữa Tổng Công ty IDICO-CTCP và Công ty cổ phần IDICO Tiền Giang ngày 05/05/2022. Hai bên sẽ phân chia kết quả kinh doanh dự án theo quy định cụ thể tại hợp đồng hợp tác đầu tư chính thức khi các bên thống nhất ký kết.

(iii) Theo Thỏa thuận ngày 22/8/2019 giữa Tổng công ty IDICO và Công ty cổ phần Đầu tư địa ốc Đại Quang Minh (Đại Quang Minh) về việc hoàn trả các chi phí liên quan đến khu đất khoảng 26,4ha nằm về phía Bắc Quốc lộ 10 thuộc Dự án Khu công nghiệp Cầu Nghìn.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí MinhBan hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính
Mẫu số B 09a-DN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

5.19 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG VÀ DÀI HẠN

	30/9/2023 VND			Trong kỳ VND			01/01/2023 VND		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Vay ngắn hạn									
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM	-	-	-	352.767.228.440	352.767.228.440	352.767.228.440	352.767.228.440	352.767.228.440	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế	-	-	-	59.503.827.550	59.503.827.550	59.503.827.550	59.503.827.550	59.503.827.550	
Ngân hàng Trung Quốc - CN TPHCM	-	-	-	57.693.550.890	57.693.550.890	57.693.550.890	57.693.550.890	57.693.550.890	
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh TP. HCM	-	-	-	10.576.000.000	10.576.000.000	10.576.000.000	10.576.000.000	10.576.000.000	
Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và khu công nghiệp IDICO	-	-	-	125.000.000.000	125.000.000.000	125.000.000.000	125.000.000.000	125.000.000.000	
b) Nợ dài hạn đến hạn trả									
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM (i)	126.098.000.000	126.098.000.000	225.000.000.000	303.297.000.000	204.395.000.000	204.395.000.000	204.395.000.000	204.395.000.000	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam (ii)	16.098.000.000	16.098.000.000	-	48.297.000.000	64.395.000.000	64.395.000.000	64.395.000.000	64.395.000.000	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (iii)	80.000.000.000	80.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	
	30.000.000.000	30.000.000.000	155.000.000.000	185.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí MinhBan hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính
Mẫu số B 09a-DN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

5.19 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN (tiếp theo)

	30/9/2023 VND		Trong kỳ VND		01/01/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
c) Vay dài hạn						
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam (ii)	1.666.757.437.127	1.666.757.437.127	395.378.566.418	225.000.000.000	1.496.378.870.709	1.496.378.870.709
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành (iii)	390.246.251.115	390.246.251.115	-	70.000.000.000	460.246.251.115	460.246.251.115
c) Phát hành trái phiếu doanh nghiệp						
Ngân hàng Shinhan Việt Nam - Chi nhánh TPHCM (iv)	400.000.000.000	400.000.000.000	-	-	400.000.000.000	400.000.000.000
Ngân hàng BUSAN - Chi nhánh TP.HCM (v)	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	100.000.000.000	100.000.000.000
Ngân hàng DAEGU - Chi nhánh TP.HCM (vi)	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	100.000.000.000	100.000.000.000
Ngân hàng KEB HANA - Chi nhánh TP.HCM (vii)	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	100.000.000.000	100.000.000.000
Tổng cộng:	2.192.855.437.127	2.192.855.437.127	620.378.566.418	881.064.228.440	2.453.541.099.149	2.453.541.099.149

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

5.19 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN (Tiếp theo)

(i) Vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Số hợp đồng	: Hợp đồng tín dụng khung số 43/2015/378281/HĐTĐK và hợp đồng tín dụng thành phần số 43/2015/378281/HĐTĐTP01; số 43/2015/378281/HĐTĐTP02; 43/2015/378281/HĐTĐTP03 ký ngày 28/09/2015. Tổng hạn mức cho vay là 328.000.000.000 VND.
Mục đích vay	: Vay tài trợ dự án xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng do Tổng công ty làm chủ đầu tư.
Thời hạn vay	: Thời hạn vay 96 tháng (08 năm) kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Thời hạn rút vốn 90 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng khung. Thời gian ân hạn 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của hợp đồng tín dụng thành phần này.
Lãi suất	: Lãi suất trong hạn là lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ niêm yết tại ngân hàng tại thời điểm rút vốn vay (hoặc vào thời điểm điều chỉnh lãi suất khi đến kỳ điều chỉnh lãi) +3,2%. Lãi suất cho vay thả nổi điều chỉnh 06 tháng/lần. Lãi suất nợ quá hạn tối đa 150% lãi suất trong hạn.
Tài sản đảm bảo	: Toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai là dự án (bao gồm cả tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của bên vay)
Số dư nợ gốc tại ngày 30/9/2023:	: 16.098.000.000 VND

(ii) Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - các Chi nhánh: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Bình, Quảng Trị, và Thành phố Đà Nẵng

Số hợp đồng	: Hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐTĐ-ĐM3 ngày 09/3/2015 có hạn mức tín dụng 1.047.000.000.000 VND.
Mục đích vay	: Để thực hiện Dự án Thủy điện Đak Mi 3 .
Thời hạn vay	: Thời hạn vay 15 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên.
Lãi suất	: Lãi suất được tính bằng lãi suất tiết kiệm bình quân có kỳ hạn 12 tháng và lãi suất biên là 3,5%/năm. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất nợ trong hạn.
Tài sản đảm bảo	: Khoản vay được bảo đảm bằng Tài sản dự án
Số dư nợ gốc tại ngày 30/9/2023	: 470.246.251.115 VND (Trong đó: nợ dài hạn đến hạn trả là 80.000.000.000 VND và nợ dài hạn là 390.246.251.115 VND).

(iii) Vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đô Thành gồm ba hợp đồng như sau:

(a) Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 01/2021-HĐCVDADT/NHCT322-IDICO ngày 10/01/2022

Số hợp đồng	: Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 01/2021-HĐCVDADT/NHCT322-IDICO ngày 10/01/2022. Tổng hạn mức cho vay là 700.000.000.000 VND.
Mục đích vay	: Trả nợ trước hạn khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/378281/HĐTĐ ngày 24/9/2018 đã giải ngân để thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp đầu tư Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Hựu Thạnh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

5.19 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN (Tiếp theo)

Thời hạn vay	: Thời hạn cho vay đến ngày 24/4/2028 và không vượt quá thời cho vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đối với khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/378281/HĐTD ngày 24/9/2022.
Lãi suất	: Lãi suất 6,8%/ năm đầu tiên, lãi suất tiền gửi 12 tháng + biên 2,7% những năm tiếp theo.
Tài sản đảm bảo	: Chủ yếu đảm bảo bằng: Quyền sử dụng đất của dự án với diện tích đất tối thiểu là 4.396.991 m ² theo GCN QSD đất số CY 741306 cấp ngày 18/12/2020 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của Chủ đầu tư; Toàn bộ quyền phát sinh từ các chi phí đền bù, bồi thường GPMB, chi phí san nền, các chi phí khác đã thanh toán liên quan đến đất thuộc dự án của Chủ đầu tư; toàn bộ các quyền, lợi ích gắn liền hoặc phát sinh từ dự án của Chủ đầu tư và các tài sản khác của Tổng công ty IDICO - CTCP phù hợp quy định của pháp luật và Ngân hàng Công thương Việt Nam.
Số dư nợ gốc tại ngày 30/9/2023	: 538.300.000.000 VND (Trong đó: nợ dài hạn đến hạn trả là 2.300.000.000 VND và nợ dài hạn là 536.000.000.000 VND).

(b) Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 02/2021-HĐCVDADT/NHCT322-IDICO ngày 10/01/2022

Số hợp đồng	: Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 02/2021-HĐCVDADT/NHCT322-IDICO ngày 10/01/2022. Tổng hạn mức cho vay là 800.000.000.000 VND.
Mục đích vay	: Tài trợ tương ứng phần doanh số cho vay chưa được giải ngân theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/378281/HĐTD ngày 24/9/2018 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh để thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp đầu tư Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Hựu Thạnh.
Thời hạn vay	: Thời hạn cho vay đến ngày 24/4/2028 và không vượt quá thời hạn cho vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đối với khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/378281/HĐTD ngày 24/9/2018.
Lãi suất	: Lãi suất 6,8%/ năm đầu tiên, lãi suất tiền gửi 12 tháng + biên 2,7% những năm tiếp theo.
Tài sản đảm bảo	: Chủ yếu đảm bảo bằng: Quyền sử dụng đất của dự án với diện tích đất tối thiểu là 4.396.991 m ² theo GCN QSD đất số CY 741306 cấp ngày 18/12/2020 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của Chủ đầu tư; Toàn bộ quyền phát sinh từ các chi phí đền bù, bồi thường GPMB, chi phí san nền, các chi phí khác đã thanh toán liên quan đến đất thuộc dự án của Chủ đầu tư; toàn bộ các quyền, lợi ích gắn liền hoặc phát sinh từ dự án của Chủ đầu tư và các tài sản khác của Tổng công ty IDICO -CTCP phù hợp quy định của pháp luật và Ngân hàng Công thương Việt Nam.
Số dư nợ gốc tại ngày 30/9/2023	: 713.538.541.584 VND (Trong đó: nợ dài hạn đến hạn trả là 27.700.000.000 VND và nợ dài hạn là 685.838.541.584 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

5.19 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN (Tiếp theo)

(c) Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 03/2021-HĐCVDADDT/NHCT322-IDICO ngày 10/01/2022

- Số hợp đồng : Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 03/2021-HĐCVDADDT/NHCT322-IDICO ngày 10/01/2022. Tổng hạn mức cho vay là 2.000.000.000.000 VND.
- Mục đích vay : Để thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp để đầu tư Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN Hữu Thạnh (không bao gồm các chi phí đã được ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh giải ngân cho vay Dự án).
- Thời hạn vay : Thời hạn cho vay là 120 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày Bên cho Vay giải ngân Khoản nợ đầu tiên. Bên vay không phải thực hiện trả nợ gốc trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày Giải ngân đầu tiên.
- Lãi suất : Lãi suất tiền gửi 12 tháng + biên 2,7%.
- Tài sản đảm bảo : Chủ yếu đảm bảo bằng: Quyền sử dụng đất của dự án với diện tích đất tối thiểu là 4.396.991 m² theo GCN QSD đất số CY 741306 cấp ngày 18/12/2020 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của Chủ đầu tư; Toàn bộ quyền phát sinh từ các chi phí đền bù, bồi thường GPMB, chi phí san nền, các chi phí khác đã thanh toán liên quan đến đất thuộc dự án của Chủ đầu tư; toàn bộ các quyền, lợi ích gắn liền hoặc phát sinh từ dự án của Chủ đầu tư và các tài sản khác của Tổng công ty IDICO -CTCP phù hợp quy định của pháp luật và Ngân hàng Công thương Việt Nam.
- Số dư nợ gốc tại ngày 30/9/2023: : 54.672.644.428 VND

(iv) Phát hành trái phiếu doanh nghiệp tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo Hợp đồng số 3103/2022/10/HDDDCSH-IDC-SHBVN SSD-SSV ngày 31/3/2022.

- Tổ chức phát hành : Tổng công ty IDICO – CTCP
- Mục đích phát hành : Đầu tư bổ sung dự án Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3
- Hình thức trái phiếu : Trái phiếu ghi danh, theo hình thức bút toán ghi sổ
- Mệnh giá trái phiếu : 1.000.000.000 VND
- Khối lượng trái phiếu : 100 trái phiếu
- Lãi suất trái phiếu : Cố định 8%/năm
- Kỳ thanh toán lãi : Định kỳ 6 tháng một lần vào cuối kỳ
- Ngày phát hành : Ngày 07/4/2022
- Ngày đáo hạn : Ngày 07/4/2025 (Kỳ hạn 3 năm)
- Thời điểm thanh toán gốc và lãi trái phiếu : Thực hiện qua đại lý (phòng dịch vụ Chứng khoán Ngân hàng Shinhan Việt Nam)
- Tổng giá trị đã phát hành : 100.000.000.000 VND

(v) Phát hành trái phiếu doanh nghiệp tại Ngân hàng BUSAN - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 3103/2022/07/HDDM-IDC-BUSAN HCM ngày 31/3/2022.

- Tổ chức phát hành : Tổng công ty IDICO - CTCP
- Mục đích phát hành : Đầu tư bổ sung dự án Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3
- Hình thức trái phiếu : Trái phiếu ghi danh, theo hình thức bút toán ghi sổ
- Mệnh giá trái phiếu : 1.000.000.000 VND
- Khối lượng trái phiếu : 100 trái phiếu
- Lãi suất trái phiếu : Cố định 8%/năm
- Kỳ thanh toán lãi : Định kỳ 6 tháng một lần vào cuối kỳ
- Ngày phát hành : Ngày 07/4/2022
- Ngày đáo hạn : Ngày 07/4/2025 (Kỳ hạn 3 năm)
- Thời điểm thanh toán gốc và lãi trái phiếu : Thực hiện qua đại lý (phòng dịch vụ Chứng khoán Ngân hàng Shinhan Việt Nam)
- Tổng giá trị đã phát hành : 100.000.000.000 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

5.19 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN (Tiếp theo)**(vi) Phát hành trái phiếu doanh nghiệp tại Ngân hàng DEAGU - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 3103/2022/08/HDDM-IDC- DEAGU HCM ngày 31/3/2022.**

Tổ chức phát hành	: Tổng công ty IDICO - CTCP
Mục đích phát hành	: Đầu tư bổ sung dự án Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3
Hình thức trái phiếu	: Trái phiếu ghi danh, theo hình thức bút toán ghi sổ
Mệnh giá trái phiếu	: 1.000.000.000 VND
Khối lượng trái phiếu	: 100 trái phiếu
Lãi suất trái phiếu	: Cố định 8%/năm
Kỳ thanh toán lãi	: Định kỳ 6 tháng một lần vào cuối kỳ
Ngày phát hành	: Ngày 07/4/2022
Ngày đáo hạn	: Ngày 07/4/2025 (Kỳ hạn 3 năm)
Thời điểm thanh toán gốc và lãi trái phiếu	: Thực hiện qua đại lý (phòng dịch vụ Chứng khoán Ngân hàng Shinhan Việt Nam)
Tổng giá trị đã phát hành	: 100.000.000.000 VND

(vii) Phát hành trái phiếu doanh nghiệp tại Ngân hàng KEB HANA - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 3103/2022/05/HDDM-IDC-KEB HANA ngày 07/4/2022.

Tổ chức phát hành	: Tổng công ty IDICO - CTCP
Mục đích phát hành	: Đầu tư bổ sung dự án Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3
Hình thức trái phiếu	: Trái phiếu ghi danh, theo hình thức bút toán ghi sổ
Mệnh giá trái phiếu	: 1.000.000.000 VND
Khối lượng trái phiếu	: 100 trái phiếu
Lãi suất trái phiếu	: Cố định 8%/năm
Kỳ thanh toán lãi	: Định kỳ 6 tháng một lần vào cuối kỳ
Ngày phát hành	: Ngày 07/4/2022
Ngày đáo hạn	: Ngày 07/4/2025 (Kỳ hạn 3 năm)
Thời điểm thanh toán gốc và lãi trái phiếu	: Thực hiện qua đại lý (phòng dịch vụ Chứng khoán Ngân hàng Shinhan Việt Nam)
Tổng giá trị đã phát hành	: 100.000.000.000 VND

5.20 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/9/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	157.630.950.742	106.936.692.722
Khu công nghiệp Cầu Nghìn	787.399.830	679.979.528
Khu công nghiệp Hựu Thạnh	10.779.425.723	9.176.049.630
Khu công nghiệp Mỹ Xuân A	10.440.838.975	430.150.152
Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5	4.799.438.104	-
Khu công nghiệp Phú Mỹ 2	70.217.838.795	47.591.977.015
Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng	60.606.009.315	49.058.536.397
b) Dài hạn	3.489.483.653.724	3.154.906.815.678
Khu công nghiệp Cầu Nghìn	25.642.214.294	26.152.198.940
Khu công nghiệp Hựu Thạnh	502.839.785.612	189.198.733.861
Khu công nghiệp Mỹ Xuân A	536.320.256	669.942.929
Khu công nghiệp Phú Mỹ 2	1.389.118.721.951	1.456.563.112.343
Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng	1.571.346.611.611	1.482.322.827.605
Tổng cộng:	3.647.114.604.466	3.261.843.508.400

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCF

151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

5.21 VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2022	3.000.000.000.000	41.722.046.647	-	639.814.821.706	3.681.536.868.353
Tăng trong năm	299.999.290.000	-	-	1.697.797.565.302	1.997.796.855.302
Chia cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu	299.999.290.000	-	-	-	299.999.290.000
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	-	1.697.797.565.302	1.697.797.565.302
Giảm trong năm	-	-	-	(1.146.769.148.000)	(1.146.769.148.000)
Chia cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu	-	-	-	(299.999.290.000)	(299.999.290.000)
Chia cổ tức năm 2021 bằng tiền	-	-	-	(180.000.000.000)	(180.000.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2022 bằng tiền (i)	-	-	-	(659.999.858.000)	(659.999.858.000)
Trích quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(4.770.000.000)	(4.770.000.000)
Tại ngày 31/12/2022	3.299.999.290.000	41.722.046.647	-	1.190.843.239.008	4.532.564.575.655
Tại ngày 01/01/2023	3.299.999.290.000	41.722.046.647	-	1.190.843.239.008	4.532.564.575.655
Tăng trong kỳ	-	-	-	837.784.754.507	837.784.754.507
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	-	837.784.754.507	837.784.754.507
Giảm trong kỳ	-	-	511.865.381.008	(1.850.843.097.008)	(1.338.977.716.000)
Chia cổ tức năm 2022 bằng tiền (i)	-	-	-	(659.999.858.000)	(659.999.858.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	511.865.381.008	(511.865.381.008)	-
Trích quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành (i)	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	(16.978.000.000)	(16.978.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2023 bằng tiền (ii)	-	-	-	(659.999.858.000)	(659.999.858.000)
Tại ngày 30/9/2023	3.299.999.290.000	41.722.046.647	511.865.381.008	177.784.896.507	4.031.371.614.162

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTPC

151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

5.21 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

(i) IDICO thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 ngày 21/4/2023, như sau:

1. Trích Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp: 2.000.000.000 đồng.
2. Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 16.978.000.000 đồng (tương đương 1% Lợi nhuận sau thuế năm 2022).
3. Trích Quỹ Đầu tư phát triển: 511.865.381.008 đồng
4. Chia cổ tức bằng tiền mặt: 1.319.999.716.000 đồng (tương đương 40%/cổ phiếu)

+ IDICO thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2022 theo Nghị quyết số 32/NQ-TCT ngày 09/8/2022 và Thông báo số 71/TB-TCT ngày 22/8/2022 của Hội đồng quản trị Tổng công ty IDICO về việc chi trả tạm ứng cổ tức năm 2022 bằng tiền với tỷ lệ 20%, tương ứng số tiền là 659.999.858.000 đồng.

+ Cổ tức còn lại chi trả (đợt 2) Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 ngày 21/4/2023 và Thông báo số 16/TB-TCT ngày 17/4/2023 của Tổng công ty về việc chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền với tỷ lệ 20%, tương ứng số tiền là 659.999.858.000 đồng.

(ii) IDICO tạm ứng cổ tức năm 2023 theo Nghị quyết số 39/NQ-TCT ngày 15/9/2023 và Thông báo số 70/TB-TCT ngày 04/10/2023 của Hội đồng quản trị Tổng công ty IDICO về việc chi trả tạm ứng cổ tức năm 2023 bằng tiền với tỷ lệ 20%, tương ứng số tiền là 659.999.858.000 đồng.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đối tượng	Tại ngày 30/9/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	Tỷ lệ	Số CP	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ	Số CP	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)
Công ty cổ phần Tập đoàn SSG	22,50%	74.250.000	742.500.000.000	22,50%	74.250.000	742.500.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Bách Việt	11,93%	39.361.300	393.613.000.000	11,93%	39.361.300	393.613.000.000
Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	65,57%	216.388.629	2.163.886.290.000	65,57%	216.388.629	2.163.886.290.000
Tổng	100%	329.999.929	3.299.999.290.000	100%	329.999.929	3.299.999.290.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

5.21 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2022
Vốn góp đầu kỳ/năm	3.299.999.290.000	3.000.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm/kỳ	-	299.999.290.000
Vốn góp giảm trong năm/kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ/năm	3.299.999.290.000	3.299.999.290.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.319.999.716.000	1.139.999.148.000
<i>Chia cổ tức bằng cổ phiếu thuộc LNST năm 2021</i>	-	299.999.290.000
<i>Chia cổ tức bằng tiền thuộc LNST năm 2021</i>	-	180.000.000.000
<i>Tạm ứng cổ tức bằng tiền thuộc LNST năm 2022</i>	-	659.999.858.000
<i>Chia cổ tức bằng tiền thuộc LNST năm 2022</i>	659.999.858.000	-
<i>Tạm ứng cổ tức bằng tiền thuộc LNST năm 2023</i>	659.999.858.000	-

d. Cổ phiếu

	30/9/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	329.999.929	329.999.929
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	329.999.929	329.999.929
Cổ phiếu phổ thông	329.999.929	329.999.929
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	329.999.929	329.999.929
Cổ phiếu phổ thông	329.999.929	329.999.929
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 DOANH THU THUẬN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2023 đến 30/9/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/9/2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.552.797.200.200	3.368.218.886.654
Doanh thu hạ tầng Khu công nghiệp	1.376.972.946.092	3.366.768.599.944
Doanh thu từ kinh doanh điện (i)	175.653.784.780	-
Doanh thu dịch vụ khác	170.469.328	1.450.286.710
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần:	1.552.797.200.200	3.368.218.886.654

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

Trong đó: **Doanh thu phát sinh trong kỳ với các bên**

liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.2) **110.942.824** **59.791.299.020**

(i) Doanh thu kinh doanh điện theo Hợp đồng mua bán điện số 03/2017/HĐ-NMĐ-Đak Mi 3 ngày 31/3/2017 giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và Tổng công ty IDICO về việc mua bán điện Nhà máy thủy điện Đak Mi 3

6.2 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2023 đến 30/9/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/9/2022 VND
Giá vốn hạ tầng khu công nghiệp	569.896.462.053	1.199.877.086.018
Giá vốn kinh doanh điện	96.666.021.909	7.897.708.681
Giá vốn sản phẩm, dịch vụ khác	-	1.450.286.710
Tổng cộng:	666.562.483.962	1.209.225.081.409

6.3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2023 đến 30/9/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/9/2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	75.169.254.068	52.432.286.109
Lãi do chênh lệch tỷ giá	117.642.263	15.504.634
Lãi bán các khoản đầu tư	-	5.348.912.556
Cổ tức, lợi nhuận được chia	253.183.446.741	160.165.650.550
Tổng cộng:	328.470.343.072	217.962.353.849

Trong đó: **Doanh thu phát sinh trong kỳ với các bên**

liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.2) **252.953.946.741** **158.847.150.550**

6.4 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2023 đến 30/9/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/9/2022 VND
Chi phí lãi vay	82.369.567.719	34.662.234.043
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất các khoản đầu tư tài chính	21.534.583.443	-
Chi phí tài chính khác	157.728.526	-
Tổng cộng:	104.061.879.688	34.662.234.043

Trong đó: **Chi phí tài chính phát sinh trong kỳ với các bên**

liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.2) **7.294.520.548** **-**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

6.5 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2023 đến 30/9/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/9/2022 VND
Chi phí nhân viên	2.574.232.760	1.720.060.674
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	18.173.985	-
Chi phí bằng tiền khác	1.390.059.149	185.215.000
Chi phí chiết khấu, hoa hồng, môi giới, khuyến mãi	15.598.588.262	-
Tổng cộng:	19.581.054.156	1.905.275.674

6.6 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2023 đến 30/9/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/9/2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	25.930.424.611	18.925.928.872
Chi phí vật liệu quản lý	774.830.455	599.155.932
Chi phí đồ dùng văn phòng	764.371.875	756.438.345
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.130.689.533	1.758.459.823
Thuế, phí và lệ phí	22.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	21.867.623.306	(5.060.857.976)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.815.172.092	3.158.145.788
Chi phí bằng tiền khác	5.094.571.599	3.480.412.107
Tổng cộng	63.399.683.471	23.620.682.891

6.7 LỢI NHUẬN KHÁC

	Từ 01/01/2023 đến 30/9/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/9/2022 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	68.181.818	685.829.000
Lãi chậm thanh toán	-	2.078.394.959
Các khoản khác	1.725.391.800	1.850.384.118
Cộng:	1.793.573.618	4.614.608.077
Chi phí khác		
Chi phí khắc phục sự cố Nhà Máy Thủy điện Đak Mi 3	44.810.012.792	-
Chi phí khác	620.418.259	919.805.429
Cộng:	45.430.431.051	919.805.429
Lợi nhuận khác:	(43.636.857.433)	3.694.802.648

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

6.8 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2023 đến 30/9/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/9/2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	984.025.584.562	2.320.462.769.134
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế	755.274.854	833.038.831
Các khoản chi phí không được trừ	755.274.854,00	833.038.831
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế	253.183.446.741	160.165.650.550
Cổ tức, lợi nhuận được chia	253.183.446.741	160.165.650.550
Thu nhập chịu thuế	731.597.412.675	2.161.130.157.415
Thu nhập tính thuế	731.597.412.675	2.161.130.157.415
Thu nhập tính thuế kinh doanh bất động sản	731.204.150.276	2.140.412.002.158
Thuế suất TNDN hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN của hoạt động kinh doanh bất động sản	146.240.830.055	428.082.400.432
Thu nhập tính thuế của hoạt động khác	393.262.399	20.718.155.257
Bù lỗ năm 2022 chuyển sang	(393.262.399)	-
Thu nhập tính thuế của hoạt động khác	-	20.718.155.257
Thuế suất TNDN hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN của hoạt động khác	-	4.143.631.051
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành:	146.240.830.055	432.226.031.483
Chi phí thuế TNDN hiện hành:	146.240.830.055	432.226.031.483

6.9 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2023 đến 30/9/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/9/2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	651.097.032	1.226.138.609
Chi phí nhân công	28.446.819.007	37.197.698.816
Chi phí khấu hao tài sản cố định, bất động sản	577.819.334.409	693.653.947.044
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.654.688.903	31.725.635.937
Chi phí khác bằng tiền	41.139.371.077	9.374.781.679
Tổng cộng	700.711.310.428	773.178.202.085

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 THÔNG TIN CÁC HỢP ĐỒNG GHI NHẬN DOANH THU TRÊN TỔNG SỐ TIỀN NHẬN TRƯỚC**

Đối với các hợp đồng đã ghi nhận doanh thu một lần thì ước tính chênh lệch về doanh thu và lợi nhuận nếu ghi nhận theo phương pháp phân bổ dần theo thời gian cho thuê, việc suy giảm doanh thu, lợi nhuận của các kỳ trong tương lai như sau:

Nội dung	Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5		Khu công nghiệp Phú Mỹ II		Khu công nghiệp Phú Mỹ II mở rộng		Khu công nghiệp Hựu Thạnh		Khu công nghiệp Cầu Ngàn	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hạch toán một lần	1.441.876.871.432	308.091.140.225	432.256.771.173	1.453.998.189.811	22.558.456.800					
Giá vốn hạch toán một lần	212.842.972.963	79.433.192.459	123.550.428.049	843.566.944.922	14.080.472.880					
Lợi nhuận gộp hạch toán một lần	1.229.033.898.469	228.657.947.766	308.706.343.124	610.431.244.889	8.477.983.920					
Doanh thu phân bổ dần theo thời gian cho thuê của hợp đồng	62.426.007.771	10.509.908.615	12.188.182.105	31.270.244.480	582.720.222					
Giá vốn phân bổ dần theo thời gian cho thuê của hợp đồng	7.053.981.958	2.450.743.177	3.471.319.085	18.134.609.491	363.720.637					
Lợi nhuận gộp phân bổ dần theo thời gian cho thuê của hợp đồng	55.372.025.813	8.059.165.437	8.716.863.020	13.135.634.988	218.999.585					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

7.2 THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN

1) Danh sách các bên liên quan:

TT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu IDICO	Công ty con
2	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO	Công ty con
3	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO	Công ty con
4	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO	Công ty con
5	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng số 10 IDICO	Công ty con
6	Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO	Công ty con
7	Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và KCN IDICO	Công ty con
8	Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO	Công ty con
9	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	Công ty con
10	Công ty TNHH MTV Dịch vụ KCN IDICO	Công ty con
11	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Quế Võ IDICO	Công ty con
12	Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng Thái Bình IDICO	Công ty con
13	Công ty Cổ phần IDICO Tiền Giang	Công ty con
14	Công ty Cổ phần IDERGY	Công ty con
15	Công ty cổ phần Phát triển đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu	Công ty liên kết
16	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO	Công ty liên kết
17	Các cá nhân quản lý (Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc) và người thân cận của các cá nhân này.	Ảnh hưởng đáng kể

2) Lương, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác.

a. Lương, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		kết thúc ngày	kết thúc ngày
		30/9/2023	30/9/2022
		VND	VND
Ông Lê Bá Thọ	Nguyên chủ tịch HĐQT	-	655.766.000
Bà Nguyễn Thị Như Mai	Chủ tịch HĐQT	1.216.077.650	516.569.440
Ông Đặng Chính Trung	Thành viên HĐQT	167.000.111	149.443.666
Ông Nguyễn Cao Nguyên	Nguyên thành viên HĐQT	472.402.800	942.731.529
Ông Tôn Thất Anh Tuấn	Thành viên HĐQT độc lập	254.000.111	199.833.666
Ông Nguyễn Duy	Nguyên thành viên HĐQT	110.000.111	193.639.222
Ông Nguyễn Việt Tuấn	Thành viên HĐQT	83.718.750	-
Bà Trần Thùy Giang	Thành viên HĐQT	613.937.500	-
		2.917.137.033	2.657.983.523

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

7.2 THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

b. Lương, thù lao và các lợi ích khác của Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		kết thúc ngày 30/9/2023	kết thúc ngày 30/9/2022
		VND	VND
Ông Hoàng Văn Hiến	Nguyên trưởng BKS	459.000.000	812.534.000
Ông Đào Hữu Thắng	Nguyên thành viên BKS	92.000.000	136.446.000
Bà Trần Thanh Linh	Nguyên thành viên BKS	-	59.890.000
Ông Võ Tấn Dũng	Nguyên thành viên BKS	76.500.000	59.687.500
Tổng		627.500.000	1.068.557.500

c. Lương và các lợi ích khác của Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		kết thúc ngày 30/9/2023	kết thúc ngày 30/9/2022
		VND	VND
Ông Đặng Chính Trung	Tổng giám đốc	2.080.000.000	2.108.276.000
Ông Nguyễn Hồng Hải	Phó Tổng giám đốc	1.408.000.000	1.486.123.000
Ông Phan Văn Chung	Nguyên Phó Tổng giám đốc	-	510.659.000
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng giám đốc	1.430.000.000	1.452.123.000
Ông Phan Văn Chính	Phó Tổng giám đốc	1.408.000.000	1.405.227.000
Ông Nguyễn Việt Tuấn	Phó Tổng giám đốc	613.937.500	-
Bà Trần Thị Ngọc	Kế toán trưởng	1.300.000.000	1.245.571.000
Tổng		8.239.937.500	8.207.979.000

3) Trong kỳ, Tổng công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		kết thúc ngày 30/9/2023	kết thúc ngày 30/9/2022
		VND	VND
Bán hàng		110.942.824	59.791.299.020
IDICO-ISC	Chuyển nhượng tài sản cố định	-	59.707.941.020
IDICO-INCO 10	Dịch vụ	27.584.824	-
IDICO - QUE VO	Dịch vụ	83.358.000	83.358.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

7.2 THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2022
Mua hàng		137.415.404.955	217.967.748.025
IDICO - URBIZ	Khối lượng xây lắp, dịch vụ	15.922.565.709	69.800.153.622
IDICO - ISC	Khối lượng xây lắp	27.590.204.541	52.442.529.525
IDICO-CONAC	Dịch vụ	2.782.829	-
IDICO - INCO 10	Khối lượng xây lắp	13.195.044.162	12.313.882.449
IDICO - INCON	Dịch vụ tư vấn	4.358.530.151	4.863.817.682
IDICO - LINCO	Khối lượng xây lắp	69.950.367.518	76.180.972.422
IDICO - UDICO	Cung cấp dịch vụ	5.435.910.045	661.051.126
IDICO - TCC	Khối lượng xây lắp	960.000.000	1.705.341.199
Cổ tức được chia		252.953.946.741	158.847.150.550
IDICO - URBIZ	Lợi nhuận nộp về IDICO	37.853.837.473	25.914.296.278
IDICO - ISC	Lợi nhuận nộp về IDICO	12.268.437.268	8.221.532.272
IDICO - CONAC	Cổ tức được chia	66.708.000.000	30.090.000.000
IDICO - INCON	Cổ tức được chia	-	2.112.000.000
IDICO - LINCO	Cổ tức được chia	-	7.848.900.000
IDICO - UDICO	Cổ tức được chia	-	12.240.000.000
IDICO - IDI	Cổ tức được chia	11.476.632.000	25.822.422.000
IDICO - SHP	Cổ tức được chia	27.958.800.000	46.598.000.000
IDICO - QUE VO	Cổ tức được chia	96.688.240.000	-
Lãi cho vay		6.157.915.849	6.527.620.794
IDICO - MCI	Lãi cho vay	2.170.939.521	1.732.628.165
IDICO - LINCO	Lãi cho vay	3.582.571.507	3.308.624.521
IDICO - SHP	Lãi cho vay	-	832.726.027
IDICO - TCC	Lãi cho vay	404.404.821	653.642.081

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

7.2 THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2022
Cho vay		81.187.500.000	3.800.000.000
IDICO - MCI	Cho vay	1.187.500.000	3.800.000.000
IDICO - LINCO	Cho vay	80.000.000.000	-
Lãi vay		7.294.520.548	-
IDICO - URBIZ	Lãi vay	7.294.520.548	-

4) Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán ngày 30/9/2023:

Bên liên quan	30/9/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu khách hàng	-	91.693.800
IDICO - QUE VO	-	91.693.800
Trả trước cho người bán ngắn hạn	18.200.720.953	6.988.599.892
IDICO - MCI	138.089.282	154.000.000
IDICO - INCO 10	5.975.968.445	946.567.819
IDICO - INCON	292.470.276	112.500.000
IDICO - LINCO	11.485.947.877	5.467.287.000
IDICO - TCC	308.245.073	308.245.073
Phải thu cho vay ngắn hạn	130.437.500.000	49.250.000.000
IDICO - MCI	29.787.500.000	28.600.000.000
IDICO - LINCO	100.650.000.000	20.650.000.000
Phải thu cho vay dài hạn	5.540.000.000	5.540.000.000
IDICO - TCC	5.540.000.000	5.540.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

7.2 THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Bên liên quan	30/9/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu khác ngắn hạn	79.006.051.502	144.602.286.653
IDICO-ISC	4.484.576.301	19.484.576.301
IDICO - MCI	7.962.071.376	5.799.092.855
IDICO - CONAC	-	36.720.000.000
IDICO - INCO 10	5.971.061.313	6.071.061.313
IDICO - INCON	1.812.000.000	1.812.000.000
IDICO - LINCO	20.036.804.649	20.454.233.142
IDICO - IDI	-	14.345.790.000
IDICO - SHP	27.958.800.000	29.539.200.000
IDICO - TCC	9.895.225.063	9.490.820.242
LAMA IDICO	885.512.800	885.512.800
Phải thu khác dài hạn	129.490.000.000	129.490.000.000
IDICO - LINCO	129.490.000.000	129.490.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn	56.283.680.216	104.805.485.291
IDICO - URBIZ	6.100.251.085	60.667.544.086
IDICO-ISC	7.714.328.156	24.104.858.700
IDICO - MCI	-	319.795.877
IDICO - INCO 10	12.133.499.476	15.929.628.391
IDICO - INCON	1.175.538.623	2.067.027.149
IDICO - LINCO	28.844.450.007	753.870.312
IDICO - UDICO	315.612.869	-
LAMA IDICO	-	962.760.776
Phải trả nợ vay	-	125.000.000.000
IDICO - URBIZ	-	125.000.000.000
Phải trả khác	580.000.000.000	601.574.352.407
IDICO - URBIZ	-	21.574.352.407
IDICO-ITC	580.000.000.000	580.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/9/2023

7.3 THÔNG TIN SO SÁNH

Thông tin so sánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế kết thúc ngày 30/9/2022 của Tổng công ty IDICO.

Người lập biểu



Trần Thị Ngọc Loan

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 10 năm 2023
Kế toán trưởng



Trần Thị Ngọc



Phó Tổng giám đốc



Nguyễn Việt Tuấn

